

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2021/HS-PT

Ngày: 23 – 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh;

Ông Vũ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 356/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn T3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H (tên gọi khác Ny), giới tính: Nữ, sinh ngày 18/10/1980, tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Chủ Doanh nghiệp tư nhân; con ông Nguyễn Ph (đã chết); con bà Đỗ Thị Phương Th, sinh năm 1960; chồng: Không có; có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2019, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Ông Dương Văn Ph1, Luật sư thành viên của Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người bị hại:

Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1984; trú tại: 160 Đường P2, phường T1, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn T3: Ông Đặng Ngọc Khiêm, Luật sư của Văn phòng luật sư Tín Hữu, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 47 Võ Thị Sáu, phường Phú Hội, thành phố H2, có mặt

Trong vụ án còn có các người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh H là chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại NT, sở hữu một thửa đất diện tích 408m² tại thôn A, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế, một xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 75C1-286.47; một xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 biển số 75A-137.72; 02 xe ô tô tải biển số 75C-039.58 và biển số 75C-018.97. Các tài sản này được H thế chấp tại các Ngân hàng cụ thể như sau:

Hai xe ô tô tải đã được H thế chấp tại ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Thừa Thiên Huế vào ngày 16/5/2017 để vay số tiền 500.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD1713600134, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 120, 121 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1713600134 ký ngày 16/5/2018; mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, thời hạn vay đến ngày 21/5/2019, ngày nhận nợ 21/11/2018 số tiền 500.000.000đồng (dư nợ tính tới ngày 17/6/2020 là 567.756.119 đồng trong đó nợ gốc là 484.000.000đồng, nợ lãi là 4.289.041đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 79.004.140đồng, nợ lãi chậm trả là 462.938đồng).

Xe mô tô biển số 75C1-286.47 H mua vào ngày 20/9/2018, khi mua xe H đã vay Công ty tài chính Home Credit số tiền 60.000.000đồng (vay không thế chấp) theo Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3803988056 ngày 20/9/2018, Công ty tài chính Home Credit giữ bản gốc Giấy đăng ký xe mô tô biển số 75C1-286.47, thời hạn vay đến ngày 20/9/2020, H đã trả góp được 5/9 kỳ.

Xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu trắng biển số 75A-137.72 H đã thế chấp tại Ngân hàng VIP - Phòng giao dịch Đông Ba để vay 500.000.000đồng vào ngày 30/10/2018, theo Hợp đồng tín dụng số 165.HDTD421.18. Thời hạn vay 96 tháng đến ngày 30/10/2026, mục đích vay để mua xe ô tô Mazda 3 15G, Ngân hàng giữ lại Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giao xe ô tô cho H sử dụng để đi lại (dư nợ tính tới ngày 8/6/2020 là 535.021.963đồng trong đó nợ gốc là 460.744.117đồng, nợ lãi là 74.277.846đồng).

Từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2019, do làm ăn kinh doanh thua lỗ, vay tiền của nhiều người nhưng không có khả năng chi trả. Nguyễn Thị Thanh H đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận đăng ký sở hữu những tài sản trên nhằm mục

đích lừa người khác để lấy tiền trả nợ, tiếp tục thực hiện việc kinh doanh cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 8/2018, thông qua mạng internet Nguyễn Thị Thanh H đã đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 75C-039.58 sau đó ngày 10/8/2018 H đến liên hệ với anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986, trú tại 152 Đường P2, thành phố H2 chủ tiệm cầm đồ TT cầm xe ô tô tải biển số 75C-039.58 lấy số tiền 100.000.000đồng để trả nợ cho người khác và làm ăn kinh doanh. Ngày 05/9/2018 H tiếp tục đến yêu cầu lấy thêm số tiền 150.000.000đồng. Do thấy xe ô tô tải biển số 75C-039.58 có giá trị cao hơn nên anh T4 đã đồng ý và yêu cầu H phải viết giấy bán xe cho anh T4 để phòng nếu không lấy xe hay trả tiền lãi đúng hạn thì sẽ thanh lý xe thu hồi vốn. Ngày 9/9/2018 H viết giấy bán xe giao cho anh T4. Khoảng tháng 6/2019 H có trả cho anh T4 130.000.000đồng sau đó không trả nên khoảng tháng 9/2019, anh T4 đã bán lại xe ô tô tải biển số 75C-039.58 cho một người không rõ lại lịch để thu hồi vốn. Hiện tại Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Vụ thứ hai: Khoảng cuối tháng 9/2018, Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75C1-286.47, Ngày 02/10/2019, sau khi có Giấy đăng ký xe giả, H đã đưa Giấy đăng ký xe giả để bán xe này cho anh Nguyễn Văn T3 sinh năm 1984, chủ tiệm cầm đồ TT1 địa chỉ 160 Đường P2, phường T1, Thành phố H2 chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng. Sau đó, ngày 03/10/2019 H đến thuê lại xe Honda SH biển số 75C1-286.47 đó để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tháng 7/2019, anh Nguyễn Văn T3 biết sự việc nên đã trình báo với cơ quan công an.

Vụ thứ ba: Đầu tháng 11/2018, Nguyễn Thị Thanh H đã làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A-137.72. Sau đó vào ngày 05/11/2018, H đem xe ô tô và giấy đăng ký giả, Giấy chứng nhận kiểm định xe đem đến tại tiệm Cầm đồ TT1 do anh Nguyễn Văn T3 làm chủ, cầm xe lấy số tiền số tiền 500.000.000đồng. Anh T3 tưởng Giấy đăng ký thật nên đã đồng ý cầm và giao tiền cho H. Ngày 21/11/2028 H tiếp tục lấy thêm số tiền 70.000.000đồng, do thấy xe ô tô 75A-137.72 có giá trị cao hơn nên anh T3 đã đồng ý. Sau khi biết mình đã bị lừa đảo anh T3 đã làm đơn tố cáo Nguyễn Thị Thanh H gửi cơ quan công an.

Vụ thứ tư: Tháng 10/2018, Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục làm giả thêm 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 75C1-286.47 rồi đem xe Honda SH biển số 75C1-286.47 đến cầm cho anh Nguyễn Văn T2 sinh năm 1987, chủ tiệm cầm đồ QH ở 03 đường L, phường T3, thị xã H4 chiếm đoạt số tiền 60.000.000đồng. Khoảng vài ngày sau H đến chuộc xe ra. Đến ngày 15/11/2018 do cần tiền để trả nợ vay, H đã điện thoại cho em gái tên Nguyễn Thị Hồng H nhờ đem xe SH 75C1-286.47 (đang để ở nhà H) tới tiệm cầm đồ QH để cầm xe lấy số tiền 60.000.000đồng chuyển cho

H do H đang ở Đà Nẵng, H nói giấy tờ H để trong cốp xe. Nghe lời, Em gái của H đã đem xe SH và giấy tờ xe đến tiệm cầm đồ QH để cầm theo lời H, anh Nguyễn Văn T2 kiểm tra giấy tờ và gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Thanh H để hỏi thì Thanh H nói với anh t2 là do H đang ở xa không trực tiếp tới được nên có nhờ em gái đem xe tới cầm để số tiền 60.000.000đồng và nói anh t2 cứ giao tiền cho em gái H. Do trước đó H đã đem xe SH đó tới cầm nên anh t2 tin tưởng và cho cầm xe, anh t2 lập hợp đồng cầm đồ ghi tên người cầm là Nguyễn Thị Thanh H, em gái của H ký phía dưới mục khách hàng và cũng ghi tên người cầm là Nguyễn Thị Thanh H, sau đó giao cho Nguyễn Thị Hồng H số tiền 60.000.000đồng giữ lại xe SH và Giấy đăng ký xe (giấy giả).

Quá thời hạn nhưng Nguyễn Thị Thanh H không đến chuộc xe nên anh Nguyễn Văn T2 đã đến Công an thị xã H4 để làm thủ tục sang tên. Do nghi ngờ Giấy đăng ký xe mô tô biển số 75C1-286.47 mang tên Nguyễn Thị Thanh H mà anh t2 cung cấp là giả nên Công an thị xã H4 đã tiến hành tạm giữ xe và Giấy đăng ký xe để kiểm tra xác minh. Anh t2 biết mình bị Nguyễn Thị Thanh H lừa nên đã làm đơn trình báo sự việc với cơ quan công an.

Vụ thứ năm: Tháng 3/2019, Nguyễn Thị Thanh H đã đến gặp bà Hà Thị Q sinh năm 1975, trú tại Tổ dân phố 4, phường H5, thị xã H4, tỉnh Thừa Thiên Huế vay số tiền 100.000.000đồng và để lại xe ô tô tải biển số 75C-018.97 làm tin. Đến tháng 5/2019 bà Q yêu cầu trả lại tiền, do không có tiền trả nên H có ý định bán chiếc xe tải đó. Anh Võ Văn Thanh T4 sinh năm 1979, trú tại: 40 đường M, phường K, thành phố H2 nghe tin nên tìm đến nhà bà Q để xem xe. Sau khi xem xe, anh T4 yêu cầu xem Giấy đăng ký xe nhưng không có và do giá đưa ra hơi cao nên anh T4 không mua nữa. H đã nói với anh T4 cho H vay 130.000.000đồng để trả nợ cho bà Q và giao xe ô tô tải biển số 75C-018.97 cùng với giấy đăng ký xe cho anh T4 giữ để làm tin anh. Anh T4 hỏi H Giấy đăng ký xe đâu thì H nói dối là bị công an giữ và nói nếu đồng ý H sẽ đi lấy về. Sau đó, H tiếp tục lên mạng internet đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe của chiếc ô tô xe tải biển số 75C-018.97. H đưa giấy đăng ký giả đó cho bà Q rồi nói bà Q gọi anh T4 đem tiền đến để lấy xe theo thỏa thuận, bà Q gọi điện thoại cho anh T4 đem 130.000.000đồng đến cho bà Q nhưng anh T4 yêu cầu gặp trực tiếp H, H đồng ý. Ngày 29/5/2019, vợ chồng anh T4 gặp H và em gái của H là Nguyễn Thị Hồng H tại quán cà phê gần nhà bà Q. Tại quán cà phê, H đã viết giấy mượn anh T4 số tiền 130.000.000đồng và để lại xe tải biển số 75C-018.97 làm tin. Anh T4 giao cho H số tiền 130.000.000đồng, vì cần trả nợ cho người khác nên H lấy 20.000.000đồng. H không trực tiếp đến gặp bà Q mà đưa cho anh T4 110.000.000đồng, nói anh T4 cùng em gái của H đến đưa cho bà Q để lấy xe. Sau đó, vợ chồng anh T4 đi cùng Nguyễn Thị Hồng H vào nhà bà Hà Thị Q, anh T4 giao cho bà Q số tiền 110.000.000đồng, bà Q gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Thanh H nói chuyện, sau đó bà Q giao xe, chìa khóa xe cùng với Giấy đăng ký xe (giấy giả) cho anh T4, khoảng 02 tuần sau H tiếp tục gọi cho anh T4 để lấy thêm 10.000.000đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ xe ô tô tải biển số 75C-018.97 cùng với giấy đăng ký giả do anh T4 giao nộp. Anh T4 biết sự việc nên đã làm đơn tố cáo Nguyễn Thị Thanh H gửi cơ quan điều tra.

Vụ thứ sáu: Do có nợ tiền của bà Hà Thị Q và Nguyễn Thị L1, bà Q và chị L1 nhiều lần đòi nên khoảng tháng 3/2019, thông qua mạng internet Nguyễn Thị Thanh H đã đặt làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 179, tờ bản đồ số 79, diện tích 408m² tại thôn A, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế do Nguyễn Thị Thanh H đứng tên chủ sở hữu để đưa cho bà Q 01 bản và chị L1 01 bản để làm tin.

Khoảng 01 tuần sau, Nguyễn Thị L1 phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nguyễn Thị Thanh H đưa cho mình là giả (do thông tin trên đó bị sai) nên đã yêu cầu H trả lại tiền cho mình. Lúc này H đã nói dối với L1 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật trước đó H đã thế chấp ngân hàng nhưng hiện đã lấy về để ở nhà chú của H, H sẽ về lấy đưa cho L1 (lúc này H ở Đà Nẵng). Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục lên mạng internet đặt làm thêm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 01/4/2019 khi nhận được sổ đỏ giả H hẹn L1 đến tại UBND xã P4, huyện P1 để đưa cho L1 xem. Trước khi đưa H đã photocopy chứng thực 02 bản sao của sổ đỏ giả đó nhằm mục đích để L1 tin là thật. Khi gặp L1 tại UBND xã P4, H đã đưa cho L1 sổ đỏ giả cùng với 02 bản sao. Nguyễn Thị L1 nghi ngờ là giả nên đã yêu cầu H đi cùng L1 đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P1 để nhờ kiểm tra, sau khi kiểm tra nghi là giả Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đã thông báo sự việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P1 để kiểm tra xác minh làm rõ.

Bà Hà Thị Q sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H đưa cho vì không biết là giả và muốn thu tiền nợ nên đã giới thiệu chị Đặng Thị Minh Kh sinh năm 1976, trú tại Tổ dân phố 3, phường Hương Văn, thị xã H4 đến mua đất. Ngày 25/4/2019 Nguyễn Thị Thanh H gặp bà Đặng Thị Minh Kh tại nhà và Hà Thị Q, sau khi thương lượng không thành, Nguyễn Thị Thanh H đã đề nghị vay bà Đặng Thị Minh Kh 300.000.000đồng dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang để ở bà Q đưa cho bà Kh làm tin. Bà Kh tưởng là thật nên đã đồng ý cho H vay số tiền 300.000đồng. Ngày 26/4/2020 bà Kh phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đưa là giả nên đã làm đơn tố cáo H gửi cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ:

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 179, tờ bản đồ số 79 diện tích 408m² mang tên Nguyễn Thị Thanh H là chủ sở hữu do và Hà Thị Q và chị Nguyễn Thị L1 giao nộp.

- Giấy mượn tiền đề ngày 25/4/2019 ghi người mượn tiền là Nguyễn Thị Thanh H do bà Đặng Thị Minh Kh giao nộp.

- 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012359, đề tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh H; Số máy JF73E0110692; Số khung 7307GY110675; Nhãn hiệu HONDA; Màu sơn bạc đen, Biển số đăng ký 75C1-286.47; cấp ngày: 20/9/2018.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023137, đề tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh H; Số máy P520528493; Số khung 4AA6JC106156; Nhãn hiệu MAZDA; Loại xe ô tô con; Màu sơn trắng; Biển số đăng ký 75A-137.72, cấp ngày 29/10/2018.

- 01 “Hợp đồng cầm đồ” lập lúc 14 giờ ngày 5 tháng 11 năm 2018 tại cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, 160 Đường P2 - Thành phố H2 có ghi Đại diện cơ sở cầm đồ ông Nguyễn Văn T3; Bên khách hàng cầm đồ Nguyễn Thị Thanh H; Loại tài sản cầm đồ xe ô tô 75A-137.72; Số tiền vay 500.000.000đồng.

- 01 “Hợp đồng cầm đồ” lập lúc 3 giờ ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại cơ sở cầm đồ TT, địa chỉ 152 Đường P2 - Thành phố H2 có ghi Đại diện cơ sở cầm đồ ông Nguyễn Văn T4; Bên khách hàng cầm đồ Nguyễn Thị Thanh H; Loại tài sản cầm đồ 75C-039.58; Số tiền vay: 100.000.000đồng + 150.000.000đồng.

- 01 “Giấy bán xe” đề tên người bán là Nguyễn Thị Thanh H, địa chỉ: A, P, P1, Thừa Thiên Huế, số CMND: 191482679, cấp ngày 3/10/2017 có bán cho cửa hàng xe máy TT 01 xe ô tô hiệu ISuZu màu trắng, Biển số 75C-039.58 số tiền: Hai trăm năm mươi triệu đồng, đề ngày 9/9/2018.

- 01 “Giấy mượn tiền” có chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H đề ngày 29/5/19.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006636 cấp ngày 02/11/2012 ghi Tên chủ xe: DNTN TM NT, Biển số đăng ký: 75C-018.97.

- 01 “Hợp đồng mua bán xe” lập lúc 8 giờ 00 ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại 160 Đường P2 - Thành phố H2 có nội dung: bên bán Nguyễn Thị Thanh H, chứng minh nhân dân số 191482679 cấp ngày 3/10/2017; Bên mua Nguyễn Văn T3, Chứng minh nhân số 191526652 cấp ngày 10/08/2017, Hộ khẩu thường trú tại 160 Đường P2 - Thành phố H2; Xe mua bán: xe mô tô Biển số 75C1-286.47; Nhãn hiệu Honda, loại xe SH; Màu sơn bạc đen; Số máy JF73ED110692; Số khung: 7307GY110675; Giá bán 50.000.000đồng.

- 01 “Giấy bán (cho, tặng) xe” có nội dung: Nguyễn Thị Thanh H, Hộ chiếu số C3475498 cấp ngày 30//6/2017; Đăng ký thường trú A, Phòng Hiền, P1, TT Huế; có chiếc xe mô tô đã đăng ký tại công an P1 mang biển số 75C1-286.47 nhãn hiệu SH, màu sơn: bạc đen, Số máy JF73E0110692, Số khung: 7307GY110675; đã bán chiếc xe máy cho Nguyễn Văn T3, đăng ký hộ khẩu thường trú 160 Đường P2 - Thành phố H2 có chứng thực của Chủ tịch UBND phường T1, Thành phố H2 đề ngày 02/10/2018.

- 01(một) “Hợp đồng thuê xe” lập lúc 10 giờ 00 ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại 160 Đường P2 - Thành phố H2 có nội dung: BÊN CHO THUÊ: Nguyễn Văn T3; BÊN THUÊ: Nguyễn Thị Thanh H; XE CHO THUÊ: xe mô tô Biển số 75C1-286.47; nhãn hiệu Honda, loại xe SH; Màu sơn bạc đen; Số máy JF73ED110692; Số khung: 7307GY110675.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH, Số máy: JF73E0110692, Số khung: 7307GY110675, Màu sơn: Bạc Đen, Biển số đăng ký: 75C1-286.47

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda3, Số máy: P520528493, Số khung: 4AA6JC106156, Màu sơn: Trắng, Biển số đăng ký: 75A-137.72

- 01 xe ô tô tải thùng phủ bạt, màu xanh, tải trọng 1.100kg, Số máy: JT630314, Số khung: RNHKCB27TC, Biển số đăng ký 75C-018.97.

Đối với vật chứng là chiếc xe ô tô tải biển số 75C-039.58 Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra các Quyết định trưng cầu giám định số 50 ngày 25/4/2019; 68, 69 ngày 5/6/2019; số 465 ngày 10/10/2019; số 60 ngày 23/3/2020; số 61 ngày 24/3/2020; số 96 ngày 03/5/2020; số 133 ngày 18/6/2020; số 140 ngày 29/6/2020 và số 151 ngày 23/7/2020 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định. Các Kết luận số 180; 182; 285; 286; 188; 297; 381; 406; 520; 555 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 179, tờ bản đồ số 79 diện tích 408m² mang tên Nguyễn Thị Thanh H là chủ sở hữu đưa cho chị Nguyễn Thị L1 vào ngày 01/4/2019 là giả.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 179, tờ bản đồ số 79 diện tích 408m² mang tên Nguyễn Thị Thanh H là chủ sở hữu đưa bà Nguyễn Thị Minh Kh để làm tin để vay tiền là giả.

- Chữ viết, chữ ký ghi trên Giấy mượn tiền do bà Đặng Thị Minh Kh giao nộp đề ngày 25/4/2019 ghi người mượn tiền là Nguyễn Thị Thanh H so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 012359, đề tên chủ xe: Nguyễn Thị Thanh H 1980, Địa chỉ: A, P, P1, Số máy: JF73E0110692, Số khung: 7307GY110675, Nhãn hiệu: HONDA, Màu sơn: Bạc Đen, Biển số đăng ký: 75C1-286.47, cấp ngày: 20/9/2018, có chữ ký mang tên Thượng tá Trần Tư Khoa do Nguyễn Văn T3 giao nộp là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 012359, đề tên chủ xe: Nguyễn Thị Thanh H 1980, Địa chỉ: A, P, P1, Số máy: JF73E0110692, Số khung:

7307GY110675, Nhãn hiệu: HONDA, Màu sơn: Bạc Đen, Biển số đăng ký: 75C1-286.47, cấp ngày: 20/9/2018, có chữ ký mang tên Thượng tá Trần Tư Khoa do anh Nguyễn Văn T2 giao nộp là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 023137, đề tên chủ xe: Nguyễn Thị Thanh H, Địa chỉ: A, P, P1, Số máy: P520528493, Số khung: 4AA6JC106156, Nhãn hiệu: MAZDA, Loại xe: ô tô con, Màu sơn: Trắng, Biển số đăng ký: 75A-137.72, cấp ngày: 29/10/2018 do Nguyễn Văn T3 giao nộp là giả.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H dưới mục khách hàng tại “Hợp đồng cầm đồ” lập lúc 14 giờ ngày 5 tháng 11 năm 2018 tại cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, địa chỉ 160 Đường P2 - Thành phố H2 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H tại “Hợp đồng cầm đồ” lập lúc 3 giờ ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại cơ sở cầm đồ TT, địa chỉ 152 Đường P2 - Thành phố H2 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H tại “Giấy bán xe” đề tên người bán là Nguyễn Thị Thanh H, địa chỉ: A, Phòng Hiền, P1, TT Huế, số CMND: 191482679 cấp ngày 3/10/2017 có bán cho cửa hàng xe máy TT 01 xe ô tô hiệu Isuzu màu trắng, Biển số 75C-039.58 số tiền: Hai trăm năm mươi triệu đồng đề ngày 9/9/2019 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 29/5/19 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- “GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 006636 cấp ngày 02/11/2012 ghi Tên chủ xe: DNTN TM NT, Biển số đăng ký: 75C-018.97 do Võ Văn Thanh T4 giao nộp là giả.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H tại “HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE” lập lúc 8 giờ 00 ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại 160 Đường P2 - Thành phố H2 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H tại “GIẤY BÁN (CHO, TẶNG) XE” đề ngày 02/10/2018 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh H tại “HỢP ĐỒNG THUÊ XE” lập lúc 10 giờ 00 ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại 160 Đường P2 - Thành phố

H2 so với các mẫu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết và ký ra.

Về trách nhiệm dân sự:

1. Bị cáo H đã trả lại 130.000.000 đồng trong tổng số tiền 250.000.000 đồng chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T4, anh T4 không yêu cầu gì thêm.

2. Anh Nguyễn Văn T3 yêu cầu Nguyễn Thị Thanh H trả lại 620.000.000 đồng bị H chiếm đoạt.

3. Anh Nguyễn Văn T2 không có yêu cầu gì về mặt dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

4. Bị cáo H đã trả lại cho bà Đặng Thị Minh Kh 300.000.000 đồng, bà Kh không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

5. Anh Võ Văn Thanh T4 yêu cầu Nguyễn Thị Thanh H trả lại 140.000.000 đồng bị H chiếm đoạt.

6. Ngày 17/6/2020, Ngân hàng Saconbank có công văn đề nghị Nguyễn Thị Thanh H trả 567.756.119 đồng trong đó nợ gốc là 484.000.000 đồng, nợ lãi là 4.289.041 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 79.004.140 đồng, nợ lãi chậm trả là 462.938 đồng.

7. Ngày 8/6/2020, Ngân hàng VIB có công văn đề nghị Nguyễn Thị Thanh H trả số tiền 535.021.963 đồng trong đó nợ gốc là 460.744.117 đồng, nợ lãi là 74.277.846 đồng.

Công ty tài chính Home Credit không có yêu cầu gì và thông báo sẽ khởi kiện Nguyễn Thị Thanh H bằng một vụ án độc lập.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm a, b khoản 3, Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm 06 tháng (hai năm sáu tháng) tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt là 12 năm 06 tháng (mười hai năm sáu tháng) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 16/12/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn T3 số tiền 620.000.000 đồng; ngoài ra còn buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Giao 01 (một) xe ô tô tải thùng phủ bạt, màu xanh, tải trọng 1.100kg, số máy: JT630314, số khung: RNHKCB27TC, biển số đăng ký 75C-018.97, tên chủ xe: DNTN TM Ngọc Thiên Ân theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006636 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 02/11/2012, kèm theo chìa khóa xe cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín để xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp mà Nguyễn Thị Thanh H đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

- Giao 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, số máy: P520528493, số khung 4AAJC106156, biển kiểm soát 75A-137.72, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2018, kèm theo chìa khóa xe cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam để xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp mà Nguyễn Thị Thanh H đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Đông Ba.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển số 75C1-286.47 nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn bạc đen, số máy JF73ED110692, số khung 7307GY110675 kèm theo chìa khóa xe để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, người bị hại ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo bản án về phần dân sự mức bồi thường đối với ông và phần xử lý vật chứng.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người bị hại ông Nguyễn Văn T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của luật sư Đặng Ngọc Khiêm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Nguyễn Văn T3: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo H là lỗi hoàn toàn của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các qui định của Bộ luật dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu, buộc bên có lỗi là bị cáo H phải bồi thường các thiệt hại cho ông T3, gồm: tiền thuê xe máy 100.000 đồng/ngày X 2 năm là 73.000.000 đồng; tiền lãi do cầm cố xe ô tô 75A-137.72 trong 2 năm là

115.920.000 đồng. Tổng cộng cả tiền nợ gốc là 808.920.000 đồng; về xử lý vật chứng, giao xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển số 75A-137.72 cho cơ quan Thi hành án để thực hiện bán đấu giá trả nợ theo tỉ lệ nợ của các chủ nợ có liên quan.

Ý kiến người bị hại ông Nguyễn Văn T3: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Luật sư Dương Văn Ph bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Đối với hành vi trái pháp luật của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H đã bị pháp luật trừng trị, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt 12 năm 06 tháng tù về cả 02 tội là phù hợp, kháng cáo của ông T3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm các khoản nêu trên và về xử lý vật chứng, giao xe ô tô biển số 75A-137.72 cho cơ quan Thi hành án để thực hiện bán đấu giá trả nợ theo tỉ lệ nợ của các chủ nợ có liên quan là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Thống nhất như ý kiến của Luật sư, không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T3.

Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đối với các yêu cầu kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Văn T3, yêu cầu bị cáo bồi thường thêm các khoản gồm tiền thuê xe máy 100.000 đồng/ngày trong 2 năm là 73.000.000 đồng và tiền lãi do cầm cố xe ô tô 75A-137.72 trong 2 năm là 115.920.000 đồng là không có căn cứ, pháp luật hình sự không qui định; về xử lý vật chứng, yêu cầu giao xe ô tô biển số 75A-137.72 cho cơ quan Thi hành án để thực hiện bán đấu giá và trả nợ theo tỉ lệ nợ của các chủ nợ có liên quan là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Văn T3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị hại ông Nguyễn Văn T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả cho ông số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 570.000.000 đồng do cầm xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển số 75A-137.72; tiền thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 75C1-286.47, tính thành tiền tổng cộng là 808.920.000 đồng; về xử lý vật chứng, giao xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển số 75A-137.72 cho cơ quan Thi hành án để thực hiện bán đấu giá trả nợ theo tỉ lệ nợ của các chủ nợ có liên quan.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về phần bồi thường dân sự, do bị cáo có ý thức lừa và bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo H đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển số 75A-137.72 để cầm cố lấy số tiền 570.000.000 đồng và làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 75C1-286.47 để bán cho ông T3 với

số tiền 50.000.000đồng; sau đó, H thuê lại trả mỗi ngày 100.000đồng. Do đó, hai hợp đồng được hình thành giữa bị cáo H và ông T3 bị vô hiệu ngay từ lúc ký kết, giao dịch theo qui định tại Điều 127 của Bộ luật Dân sự; vì vậy, không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu bị xử lý theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, đây là vụ án hình sự, phần lỗi của bị cáo đã bị pháp luật trừng trị; đồng thời pháp luật về hình sự Việt Nam cũng không qui định phải buộc bị cáo trả lãi hay thu lợi khác trong trường hợp này.

[3] Về phần xử lý vật chứng: Đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu trắng biển số 75A-137.72 H đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Phòng giao dịch Đông Ba để vay số tiền 500.000.000 đồng. Tài sản này được giao dịch hợp pháp, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao chiếc xe ô tô nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam để xử lý theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp mà H đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Đông Ba. Do đó, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3 không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo nhưng không phát sinh tài liệu, chứng cứ gì mới tại cấp phúc thẩm để xem xét, chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Văn T3, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T3 số tiền 620.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố:

Giao 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, số máy: P520528493, số khung 4AAJC106156, biển kiểm soát 75A-137.72, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2018, kèm theo chìa khóa xe cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam để xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp mà Nguyễn Thị Thanh H đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Đông Ba.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn T3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 005709 ngày 17/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông